

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên lãnh thổ Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài.

2. Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau:

a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên lãnh thổ Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài;

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động nghệ thuật biểu diễn* là quá trình sáng tạo ra những sản phẩm nghệ thuật để truyền đạt trực tiếp hoặc gián tiếp đến công chúng thông qua các phương tiện phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, các phương tiện kỹ thuật khác dưới các hình thức biểu diễn nghệ thuật, lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật hoặc tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

2. *Biểu diễn nghệ thuật* là thể hiện tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật biểu diễn hoặc thể hiện tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật biểu diễn có lồng ghép, phối hợp với mỹ thuật, nhiếp ảnh, điện ảnh, thể dục, thể thao, trò chơi dân gian và hiện đại, giới thiệu sản phẩm mỹ thuật ứng dụng, thời trang, kỹ thuật âm thanh, ánh sáng hoặc tổ hợp công nghệ sáng tạo.

3. *Loại hình nghệ thuật biểu diễn* bao gồm sân khấu, âm nhạc, múa, các hình thức diễn xướng dân gian, những hình thức sáng tạo nghệ thuật từ truyền thống đến hiện đại của Việt Nam và thế giới.

4. *Lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật* là đưa sản phẩm âm thanh, hình ảnh có nội dung biểu diễn nghệ thuật được sản xuất, nhập khẩu dưới các định dạng khác nhau để sử dụng hoặc tham gia giao dịch dân sự, kinh doanh thương mại.

5. *Cuộc thi người đẹp, người mẫu* là hoạt động văn hóa giải trí nhằm tuyển chọn, phân định thứ bậc và trao giải thưởng cho thí sinh theo quy định của tổ chức tổ chức cuộc thi.

Điều 3. Điều kiện đối với hoạt động nghệ thuật biểu diễn

1. Hoạt động nghệ thuật biểu diễn không có một hoặc các nội dung sau:

a) Chống Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Xuyên tạc lịch sử, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; xâm phạm an ninh quốc gia; xúc phạm vĩ nhân, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc;

c) Kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước, ảnh hưởng xấu đến quan hệ đối ngoại;

d) Sử dụng trang phục, từ ngữ, âm thanh, hình ảnh, động tác, hình thức biểu diễn, phương tiện biểu đạt hành vi tệ nạn xã hội, dâm ô, đồi trụy, tội ác, trái với thuần phong, mỹ tục của dân tộc tác động tiêu cực đến đạo đức, sức khỏe cộng đồng và tâm lý xã hội.

2. Nội dung hoạt động nghệ thuật biểu diễn không vi phạm một hoặc các trường hợp sau:

a) Xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan; không có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp;

b) Bị đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu.

3. Địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật phải đáp ứng các điều kiện về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, môi trường và phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu

1. Tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu có quyền:

a) Lựa chọn loại hình, bộ môn nghệ thuật phù hợp khả năng và điều kiện để hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

b) Tham gia cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn khi đáp ứng đủ điều kiện theo tiêu chí của mỗi cuộc thi, liên hoan;

c) Tham gia, tổ chức, liên kết tổ chức biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu;

d) Tham gia sản xuất, lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật;

đ) Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

e) Thu hưởng các lợi ích hợp pháp từ hoạt động nghệ thuật biểu diễn; được Nhà nước bảo hộ quyền sáng tạo nghệ thuật theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu chịu trách nhiệm:

a) Tuân thủ điều kiện quy định tại Điều 3 Nghị định này;

b) Biên tập, chỉ đạo, dàn dựng nội dung biểu diễn nghệ thuật phù hợp với truyền thống, văn hóa địa phương, đồng bào dân tộc thiểu số; phù hợp với lứa tuổi, giới tính và phải được sự đồng ý của người giám hộ theo quy định của pháp luật khi tổ chức cho trẻ em;

c) Sử dụng âm thanh, ánh sáng, hiệu ứng kỹ thuật khác hoặc cơ sở vật chất không gây thiệt hại về người, tài sản và môi trường; không làm ảnh hưởng tới hoạt động của cơ quan, tổ chức hoặc sinh hoạt của dân cư xung quanh địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật;

d) Phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khi tham gia các hoạt động kinh doanh biểu diễn nghệ thuật, tổ chức thi người đẹp, người mẫu theo quy định tại Nghị định này;

đ) Thực hiện thủ tục hành chính và chấp hành yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan;

e) Tổ chức biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu đúng với nội dung thông báo hoặc nội dung đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

g) Tổ chức biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại địa phương cho phép;

h) Trao giải thưởng cho tập thể, cá nhân đạt giải sau khi công bố kết quả cuộc thi, liên hoan;

i) Thu hồi danh hiệu giải thưởng trao cho tổ chức, cá nhân đạt giải cuộc thi, liên hoan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện vi phạm quy định của pháp luật và quy chế tổ chức cuộc thi;

k) Không tổ chức biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu cho cá nhân đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ biểu diễn hoặc cá nhân sử dụng danh hiệu đã bị thu hồi, bị tước, danh hiệu đạt được do tham dự trái quy định của pháp luật;

l) Bảo lãnh nhập cảnh vào Việt Nam cho cá nhân không có quốc tịch Việt Nam tham gia biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu theo hình thức làm việc hoặc lao động;

m) Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền, trách nhiệm của cá nhân tham gia biểu diễn nghệ thuật; cá nhân dự thi và đạt danh hiệu tại cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu

1. Cá nhân tham gia biểu diễn nghệ thuật; cá nhân dự thi và đạt danh hiệu tại cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu có quyền:

a) Lựa chọn loại hình, bộ môn nghệ thuật phù hợp khả năng và điều kiện để hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

b) Tham gia cuộc thi, liên hoan khi đáp ứng đủ điều kiện theo tiêu chí của mỗi cuộc thi, liên hoan;

c) Có các quyền nhân thân và các quyền tài sản đối với cuộc biểu diễn theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan;

d) Thu hưởng các lợi ích hợp pháp từ việc tham gia hoạt động nghệ thuật biểu diễn và hoạt động tham gia cuộc thi người đẹp, người mẫu.

2. Cá nhân tham gia biểu diễn nghệ thuật; cá nhân dự thi và đạt danh hiệu tại cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu chịu trách nhiệm:

a) Tuân thủ điều kiện quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 3 Nghị định này;

b) Thực hiện thủ tục hành chính và chấp hành yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan;

c) Không lợi dụng hoạt động nghệ thuật biểu diễn, sử dụng danh hiệu, hình ảnh cá nhân để thực hiện hành vi vi phạm quy định của pháp luật hoặc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

d) Không sử dụng danh hiệu đã bị thu hồi, bị tước, danh hiệu đạt được do tham dự trái quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền, trách nhiệm của chủ địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật

1. Chủ địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật có quyền:

a) Lựa chọn loại hình nghệ thuật biểu diễn phù hợp khả năng và điều kiện để khai thác, sử dụng;

b) Yêu cầu cá nhân, tổ chức thuê, sử dụng địa điểm giải trình hoặc ra quyết định tạm dừng, dừng hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi phát hiện có dấu hiệu lợi dụng hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật để che giấu vi phạm pháp luật;

c) Từ chối, dừng hoặc chuyển đổi thời gian biểu diễn mà không phải đền bù thiệt hại vì lý do quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch họa hoặc tình trạng khẩn cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Không cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng địa điểm để phát hành vé quá số ghế hoặc quá sức chứa của địa điểm;

đ) Quy định nội quy niêm yết tại địa điểm không trái quy định của pháp luật.

2. Chủ địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật chịu trách nhiệm:

a) Tuân thủ điều kiện đối với địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan;

b) Từ chối hoặc dừng hoạt động biểu diễn nghệ thuật vi phạm quy định tại Điều 3 Nghị định này; gây thiệt hại về người, tài sản và môi trường; gây ảnh hưởng tới hoạt động của cơ quan, tổ chức hoặc sinh hoạt của dân cư xung quanh và các hoạt động sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại địa phương cho phép;

c) Sử dụng thiết bị âm thanh, chiếu sáng, cơ sở vật chất không gây thiệt hại về người, tài sản và môi trường xung quanh địa điểm;

d) Dừng, thay đổi thời gian hoạt động khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Nghị định này hoặc quy định của pháp luật liên quan;

đ) Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

1. Tổ chức, cá nhân lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật có quyền:

a) Lựa chọn, biên tập nội dung, dàn dựng tác phẩm biểu diễn nghệ thuật để sản xuất, nhập khẩu, lưu hành bản ghi âm, ghi hình nhằm mục đích thương mại hoặc mục đích khác không trái với quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;

b) Khai thác, sử dụng hoặc chuyển giao cho tổ chức, cá nhân khác khai thác, sử dụng quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan;

c) Hưởng các quyền lợi vật chất khác khi tổ chức, cá nhân sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp bản ghi âm, ghi hình theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật chịu trách nhiệm:

a) Lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật không vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 3 Nghị định này;

b) Thực hiện lưu chiếu theo quy định tại Nghị định này và lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật đúng với nội dung đã lưu chiếu;

c) Lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung nghệ thuật biểu diễn phải phù hợp với truyền thống văn hóa, đồng bào dân tộc thiểu số; lứa tuổi, giới tính trẻ em;

d) Cung cấp thông tin về nội dung bản ghi âm, ghi hình khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;

đ) Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Chương II

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT; TỔ CHỨC CUỘC THI NGƯỜI ĐẸP, NGƯỜI MẪU

Điều 8. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Có người điều hành chịu trách nhiệm trước doanh nghiệp về nội dung biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu và phải tốt nghiệp một chuyên ngành thuộc ngành đào tạo về nghệ thuật biểu diễn.

Điều 9. Thẩm quyền cấp, cấp đổi, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Nghệ thuật biểu diễn) có thẩm quyền cấp, cấp đổi, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu (sau đây gọi là Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh) cho doanh nghiệp hoạt động biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp, cấp đổi, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp hoạt động biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương.

Điều 10. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

1. Doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Văn bản khác trong trường hợp cần chứng minh không vi phạm quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đủ điều

kiện kinh doanh (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Nghệ thuật biểu diễn và Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp không cấp, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 11. Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

1. Doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong một hoặc các trường hợp sau:

- a) Thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- b) Thay đổi người điều hành hoạt động biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu;
- c) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bị mất, hỏng hoặc rách.

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi hoặc phát hiện Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bị mất, hỏng hoặc rách.

3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh mới trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Nghệ thuật biểu diễn và Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp không cấp, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 12. Yêu cầu tạm đình chỉ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu để khắc phục vi phạm

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm đình chỉ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu để khắc phục vi phạm bằng văn bản khi phát hiện doanh nghiệp vi phạm quy định tại các điểm h, i, l, và m khoản 2 Điều 4 Nghị định này hoặc hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo biên bản hoặc văn bản, quyết định, kết luận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Văn bản yêu cầu tạm đình chỉ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh phải nêu rõ hành vi vi phạm, nội dung khắc phục vi phạm, thời điểm và thời hạn tạm dừng. Thời hạn tạm dừng không quá 03 tháng.

3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đăng tải văn bản yêu cầu tạm đình chỉ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trên Trang thông tin điện tử của Cục Nghệ thuật biểu diễn và Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Doanh nghiệp phải dừng kinh doanh theo yêu cầu và khắc phục vi phạm.

Điều 13. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi khi phát hiện doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Vi phạm quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định này;
- b) Giả mạo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;
- c) Vi phạm điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định tại Điều 8 Nghị định này;
- d) Không dừng hoạt động kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu kể từ ngày yêu cầu tạm đình chỉ Giấy chứng nhận đủ điều kiện có hiệu lực;
- đ) Hết thời hạn tạm đình chỉ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh mà không khắc phục hoặc khắc phục không đầy đủ các vi phạm;
- e) Sau khi kết thúc thời hạn tạm đình chỉ Giấy chứng nhận đủ điều kiện mà tái phạm hành vi vi phạm đã nêu tại văn bản yêu cầu tạm đình chỉ Giấy chứng nhận đủ điều kiện;
- g) Bị tạm đình chỉ Giấy chứng nhận đủ điều kiện biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu đến lần thứ hai trong thời hạn một năm;
- h) Vi phạm quy định tại các điểm b, c, đ và k khoản 2 Điều 4 Nghị định này đến lần thứ hai trong thời hạn một năm.
- i) Doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể hoặc phá sản chấm dứt hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

2. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trên Trang thông tin điện tử của Cục Nghệ thuật biểu diễn và Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Doanh nghiệp phải dừng hoạt động kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có hiệu lực.

Chương III

BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT; TỔ CHỨC CUỘC THI, LIÊN HOAN LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN; CUỘC THI NGƯỜI ĐẸP, NGƯỜI MẪU

Mục 1. BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT KHÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI

Điều 14. Hoạt động biểu diễn nghệ thuật không nhằm mục đích thương mại

Hoạt động biểu diễn nghệ thuật không nhằm mục đích thương mại do người đứng đầu chịu trách nhiệm, không vi phạm quy định tại Điều 3 Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan bao gồm:

1. Cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập về nghệ thuật; đơn vị nghệ thuật, đoàn văn công thuộc lực lượng vũ trang và tổ chức khác có chức năng biểu diễn nghệ thuật được thành lập và hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp.

3. Cơ sở văn hóa nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Điều 15. Hoạt động biểu diễn nghệ thuật không trực tiếp nhằm mục đích thương mại

1. Hoạt động biểu diễn nghệ thuật không trực tiếp nhằm mục đích thương mại tuân thủ quy định tại Điều 3 Nghị định này và phải đăng ký bằng văn bản (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) đến cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa có thẩm quyền tại địa phương bao gồm:

a) Biểu diễn nghệ thuật phục vụ cộng đồng;

b) Biểu diễn nghệ thuật phục vụ hoạt động kinh doanh ngành, nghề khác tại các khu vực công cộng hoặc có người xem.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và quy định của pháp luật để quy định thẩm quyền quản lý; điều kiện bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ và điều kiện bảo đảm an toàn khác đối với hoạt động biểu diễn nghệ thuật quy định tại khoản 1 Điều này trên địa bàn quản lý để thực hiện kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm.

Mục 2. BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT NHẢM MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI

Điều 16. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại

1. Doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 8 được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật, tổ chức thi người đẹp, người mẫu không trong thời gian bị tạm đình chỉ theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập về nghệ thuật; đơn vị nghệ thuật, đoàn văn công thuộc lực lượng vũ trang và tổ chức khác có chức năng biểu diễn nghệ thuật được thành lập và hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp trong trường hợp tổ chức biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu tổ chức biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại phải liên kết với tổ chức, doanh nghiệp quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 17. Thẩm quyền chấp thuận, dừng tổ chức biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại

Cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức biểu diễn nghệ thuật có thẩm quyền chấp thuận, dừng tổ chức biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại trong phạm vi địa phương.

Điều 18. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại

1. Tổ chức, doanh nghiệp quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 16 Nghị định này chỉ được tổ chức biểu diễn nghệ thuật sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Hồ sơ đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Văn bản khác trong trường hợp cần chứng minh hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật không trái quy định pháp luật.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật bằng văn bản (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trong trường hợp không chấp thuận, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải có văn bản nêu rõ lý do.

4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức biểu diễn nghệ thuật đã được chấp thuận, tổ chức, doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trong đó ghi rõ nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trong trường hợp không chấp thuận, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải có văn bản nêu rõ lý do.

5. Tổ chức, doanh nghiệp tổ chức biểu diễn nghệ thuật có trách nhiệm tổ chức duyệt nội dung, chương trình khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu trong trường hợp nội dung biểu diễn nghệ thuật có yếu tố sáng tạo mới chưa được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt.

6. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định có nhiệm vụ tư vấn về chuyên môn trong trường hợp duyệt nội dung, chương trình quy định tại khoản 5 Điều này trước khi quyết định chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật. Hội đồng có số thành viên là số lẻ, từ 05 thành viên trở lên, bao gồm đại diện các cơ quan, các nhà chuyên môn trong lĩnh vực có liên quan, trong đó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

Điều 19. Dừng tổ chức biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền dừng tổ chức biểu diễn nghệ thuật khi phát hiện một hoặc các trường hợp sau:

a) Hoạt động biểu diễn nghệ thuật hoặc nội dung biểu diễn nghệ thuật chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại Điều 18 Nghị định này;

b) Vi phạm quy định tại các điểm a, c, d, g và k khoản 2 Điều 4 Nghị định này;

c) Có đề nghị dừng của cơ quan chức năng vì lý do chưa đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, môi trường và phòng, chống cháy nổ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải dừng tổ chức biểu diễn nghệ thuật ngay khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; kịp thời khắc phục hậu quả, đề xuất phương án tiếp tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Kết quả xem xét, quyết định đối với đề xuất phương án tiếp tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải được thể hiện bằng văn bản và gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân biết để thực hiện trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ công bố công khai việc dừng tổ chức biểu diễn nghệ thuật và phải bảo đảm quyền lợi của các tổ chức, cá nhân liên quan.

Mục 3. TỔ CHỨC CUỘC THI, LIÊN HOAN LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN

Điều 20. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn

1. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Cục Nghệ thuật biểu diễn) tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn cấp quốc gia và quốc tế cho các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp.

2. Bộ, cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế ở Trung ương (sau đây gọi chung là tổ chức ở Trung ương) tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn trong phạm vi nội bộ hoặc từ hai tổ chức ở Trung ương trở lên.

3. Hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn ở Trung ương tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn có quy mô từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, cấp quốc gia và quốc tế.

4. Hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn ở địa phương tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn có quy mô trong phạm vi địa phương.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu tổ chức cuộc thi, liên hoan phải liên kết với tổ chức quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này.

Điều 21. Thẩm quyền chấp thuận, dừng tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền chấp thuận, dừng tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn:

- a) Có quy mô từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, quốc gia và quốc tế;
- b) Được tổ chức ở Trung ương tổ chức.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền chấp thuận, dừng tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn có quy mô trong phạm vi địa phương.

Điều 22. Tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn

1. Tổ chức, cơ quan quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 20 Nghị định này chỉ được tổ chức cuộc thi, liên hoan sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Hồ sơ đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan;

c) Văn bản khác trong trường hợp cần chứng minh hoạt động tổ chức cuộc thi, liên hoan không trái quy định pháp luật.

3. Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan có các nội dung sau:

a) Tên gọi, mục đích của cuộc thi, liên hoan;

b) Số lượng và điều kiện của thí sinh, nghệ sĩ, diễn viên tham dự;

c) Thời gian, địa điểm, nội dung, trình tự tổ chức cuộc thi, liên hoan;

d) Cơ cấu giải thưởng, danh hiệu, giá trị giải thưởng và thời gian trao giải;

đ) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cơ quan tổ chức cuộc thi, liên hoan;

e) Quyền và nghĩa vụ của thí sinh, nghệ sĩ, diễn viên tham dự và đạt danh hiệu;

g) Danh sách và quy chế hoạt động của ban tổ chức, ban giám khảo;

h) Kinh phí tổ chức cuộc thi, liên hoan.

4. Trong thời hạn 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan bằng văn bản (theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trong trường hợp không chấp thuận, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải có văn bản nêu rõ lý do.

5. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung cuộc thi, liên hoan đã được chấp thuận, tổ chức, cơ quan gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trong đó ghi rõ nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung. Cơ quan quản lý nhà nước có

thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan bằng văn bản trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trong trường hợp không chấp thuận, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 23. Dừng tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền dừng tổ chức cuộc thi, liên hoan khi phát hiện một hoặc các trường hợp sau:

a) Cuộc thi, liên hoan chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại Điều 22 Nghị định này;

b) Vi phạm quy định tại các điểm a và k khoản 2 Điều 4 Nghị định này;

c) Có đề nghị dừng của cơ quan chức năng vì lý do chưa đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, môi trường và phòng, chống cháy nổ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải dừng tổ chức cuộc thi, liên hoan ngay khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; kịp thời khắc phục hậu quả, đề xuất phương án tiếp tục tổ chức cuộc thi, liên hoan gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Kết quả xem xét, quyết định đối với đề xuất phương án tiếp tục tổ chức cuộc thi, liên hoan của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải được thể hiện bằng văn bản và gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân biết để thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ công bố công khai việc dừng tổ chức cuộc thi, liên hoan và phải bảo đảm quyền lợi của các tổ chức, cá nhân liên quan.

Mục 4. TỔ CHỨC CUỘC THI NGƯỜI ĐẸP, NGƯỜI MẪU

Điều 24. Cơ quan, tổ chức, cá nhân cuộc thi người đẹp, người mẫu

1. Doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 8 được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật, tổ chức thi người đẹp, người mẫu không trong thời gian bị tạm đình chỉ theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu cho cá nhân không thuộc phạm vi quản lý phải liên kết doanh nghiệp quy định khoản 2 Điều này. Trường hợp tổ chức, cơ quan tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu cho cá nhân thuộc phạm vi quản lý nội bộ do người đứng đầu tổ chức, cơ quan chịu trách nhiệm tuân thủ quy định tại Điều 3 Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 25. Thẩm quyền chấp thuận, dừng tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu có thẩm quyền chấp thuận, dừng tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu tại địa phương.

Điều 26. Tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

1. Doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định này chỉ được tổ chức cuộc thi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức cuộc thi gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu (theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Đề án tổ chức cuộc thi;

c) Văn bản khác trong trường hợp cần chứng minh hoạt động tổ chức cuộc thi không trái quy định pháp luật.

3. Đề án tổ chức cuộc thi có các nội dung sau:

a) Tên gọi, mục đích của cuộc thi;

b) Số lượng và điều kiện dự thi của thí sinh;

c) Nội dung, trình tự tổ chức, thời gian và địa điểm tổ chức cuộc thi;

d) Danh hiệu, cơ cấu giải thưởng, giá trị giải thưởng và thời gian trao giải;

đ) Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp tổ chức cuộc thi;

e) Quyền và nghĩa vụ của thí sinh dự thi và thí sinh đạt giải;

g) Danh sách và quy chế hoạt động của ban tổ chức, ban giám khảo;

h) Kinh phí tổ chức cuộc thi.

4. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc thi bằng văn bản (theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trong trường hợp không chấp thuận, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải có văn bản nêu rõ lý do.

5. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung cuộc thi đã được chấp thuận, doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trong đó ghi rõ nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc thi bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trong trường hợp không chấp thuận, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải có văn bản nêu rõ lý do.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và quy định của pháp luật để quy định thẩm quyền cơ quan quản lý; điều kiện bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ và điều kiện bảo đảm an toàn khác đối với các địa điểm diễn ra hoạt động thi người đẹp, người mẫu trên địa bàn quản lý để thực hiện kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm.

Điều 27. Dừng tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền dừng tổ chức cuộc thi khi phát hiện một hoặc các trường hợp sau:

a) Cuộc thi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại Điều 26 Nghị định này;

b) Vi phạm quy định tại các điểm a, d và k khoản 2 Điều 4 Nghị định này;

c) Có đề nghị dừng của cơ quan chức năng vì lý do chưa đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, môi trường và phòng, chống cháy nổ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải dừng tổ chức cuộc thi ngay khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; kịp thời khắc phục hậu quả, đề xuất phương án tiếp tục tổ chức cuộc thi gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Kết quả xem xét, quyết định đối với đề xuất phương án tiếp tục tổ chức cuộc thi của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải được thể hiện bằng văn bản và gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân biết để thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ công bố công khai việc dừng tổ chức cuộc thi và phải bảo đảm quyền lợi của các tổ chức, cá nhân liên quan.

Mục 5. THAM DỰ CUỘC THI NGƯỜI ĐẸP, NGƯỜI MẪU

Điều 28. Điều kiện đối với cá nhân tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu

1. Đối với cá nhân tham dự cuộc thi trong nước:

a) Đáp ứng các tiêu chí do ban tổ chức cuộc thi quy định;

b) Chưa có án tích, không trong thời gian bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính;

c) Chưa thực hiện hành vi vi phạm nghiêm trọng quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.

2. Đối với thí sinh tham dự cuộc thi ở nước ngoài:

a) Có giấy mời của ban tổ chức cuộc thi;

b) Đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 29. Thẩm quyền chấp thuận cho cá nhân tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài và tước danh hiệu đạt được trong cuộc thi người đẹp, người mẫu

Cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cá nhân cư trú có thẩm quyền chấp thuận cho cá nhân tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài và tước danh hiệu đạt được trong cuộc thi người đẹp, người mẫu.

Điều 30. Tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài

1. Cá nhân đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định này chỉ được tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Hồ sơ đề nghị tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Tờ khai tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Phiếu lý lịch tư pháp số 2;

c) Bản sao giấy mời tham dự cuộc thi.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận cho cá nhân tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài bằng văn bản (theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trong trường hợp không chấp thuận, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 31. Tước danh hiệu đạt được trong cuộc thi người đẹp, người mẫu

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định tước danh hiệu của cá nhân đạt được trong cuộc thi người đẹp, người mẫu khi phát hiện một hoặc các trường hợp sau:

a) Chưa đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này;

b) Vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định này;

c) Tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu không thu hồi danh hiệu, giải thưởng theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện vi phạm quy định của pháp luật và quy chế tổ chức cuộc thi.

2. Cá nhân có nghĩa vụ chấm dứt sử dụng danh hiệu đạt được trong cuộc thi người đẹp, người mẫu và phải thông báo đến các tổ chức, cá nhân liên quan.

Chương IV

LƯU HÀNH BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH CÓ NỘI DUNG BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT

Điều 32. Hoạt động lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập về nghệ thuật; đơn vị nghệ thuật, đoàn văn công thuộc lực lượng vũ trang và tổ chức khác có chức năng biểu diễn nghệ thuật được thành lập và hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp;

b) Thương nhân hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật về thương mại sản xuất hoặc nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác sản xuất hoặc nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật.

2. Tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều này được lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này liên kết với tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều này để lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại.

Điều 33. Điều kiện lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

1. Nội dung bản ghi âm, ghi hình không vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 3 Nghị định này.

2. Bản ghi âm, ghi hình phải có đầy đủ các thông tin liên quan đến các thành phần sáng tạo được bảo hộ theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

3. Bản ghi âm, ghi hình phải được lưu chiếu theo quy định tại Điều 34 Nghị định này trong trường hợp lưu hành nhằm mục đích thương mại.

Điều 34. Lưu chiếu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

1. Thẩm quyền lưu chiếu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật:

a) Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Cục Nghệ thuật biểu diễn) lưu chiếu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật của tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định này thuộc Trung ương;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lưu chiếu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật của tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 32 Nghị định này thuộc địa phương nơi thành lập hoặc có trụ sở.

2. Tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 32 Nghị định này chỉ được lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại khi có văn bản xác nhận đăng ký lưu chiếu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Hồ sơ đăng ký lưu chiếu gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Tờ khai đăng ký lưu chiếu (theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật;

c) Văn bản cho phép sử dụng, khai thác tác phẩm của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan.

4. Cơ quan lưu chiếu có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp văn bản xác nhận đăng ký lưu chiếu (theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trong trường hợp không chấp thuận, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 35. Trách nhiệm của cơ quan lưu chiếu

1. Kiểm tra bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật được lưu chiếu và quyết định việc đình chỉ lưu hành, thu hồi hoặc tịch thu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật vi phạm theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan.

2. Tổ chức kho lưu chiếu để thực hiện lưu giữ bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật lưu chiếu trong thời hạn 24 tháng và thực hiện thanh lọc hoặc thanh lý sau khi hết thời gian lưu giữ.

Điều 36. Lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật trên phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

Hoạt động lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật trên phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tuân thủ quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 3 Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 37. Lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài

Tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại Điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 38. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật thực hiện theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.

2. Việc xuất khẩu, nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật không nhằm mục đích thương mại thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương.

Chương V

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Điều 39. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

2. Xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

3. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tổ chức triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và hoạt động hợp tác quốc tế liên quan đến nghệ thuật biểu diễn.

4. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

5. Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, tôn vinh các nghệ sĩ, cá nhân, tập thể đạt thành tích, có đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển văn học, nghệ thuật truyền thống, đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn học, nghệ thuật chính đáng của nhân dân.

6. Quản lý, kiểm tra, phối hợp kiểm tra liên ngành các cấp thực hiện kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất về hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên toàn quốc.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên toàn quốc.

8. Quản lý và thực hiện hợp tác quốc tế về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

9. Quy định chi tiết chuyên ngành thuộc ngành đào tạo về nghệ thuật biểu diễn của người điều hành và hướng dẫn thực thi quy định tổ chức các cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn và quy định tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu tại các Điều 8, 18, 22 và 26 Nghị định này.

Điều 40. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn về phí thẩm định cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật, tổ chức thi người đẹp, người mẫu; phê duyệt chương trình biểu diễn nghệ thuật của Hội đồng thẩm định; thù lao cho người kiểm tra, thẩm định bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật lưu chiếu;

b) Thực hiện quản lý nhà nước, thu ngân sách đối với thu nhập, lợi nhuận của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

2. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý nhà nước, chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật và công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm và phòng chống tội phạm về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống cháy nổ trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

b) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Bộ Ngoại giao kiểm tra, thanh tra hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú của các cá nhân tham gia hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý nhà nước, xử lý vi phạm trên phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử đối với hoạt động nghệ thuật biểu diễn và việc sử dụng danh hiệu cuộc thi, liên hoan nghệ thuật biểu diễn; danh hiệu cuộc thi người đẹp, người mẫu;

b) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Công an kiểm tra, thanh tra hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.

4. Bộ Công thương có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý nhà nước đối với việc tôn vinh, sử dụng danh hiệu có nội dung nghệ thuật biểu diễn và danh hiệu người đẹp, người mẫu của thương nhân trong hoạt động thương mại;

b) Thực hiện quản lý nhà nước, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động tạm nhập, tái xuất hàng hóa trong hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật tại Việt Nam; tạm xuất, tái nhập hàng hóa trong hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật ở nước ngoài.

5. Bộ Nội vụ có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động thi đua, khen thưởng, tôn vinh, sử dụng danh hiệu có nội dung nghệ thuật biểu diễn và danh hiệu người đẹp, người mẫu của các hội, tổ chức phi chính phủ.

6. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với người lao động trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn và cá nhân là người không có quốc tịch Việt Nam tham gia hoạt động nghệ thuật biểu diễn tại Việt Nam theo hình thức lao động.

7. Bộ Y tế và Bộ Xây dựng có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về việc bảo đảm Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng và điều kiện cơ sở hạ tầng bảo đảm an toàn sức khỏe, tính mạng con người trong chương trình tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

8. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về việc bảo đảm Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn trong chương trình tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

9. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

2. Triển khai các biện pháp thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển sự nghiệp hoạt động nghệ thuật biểu diễn trong phạm vi địa phương.

3. Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và hoạt động hợp tác quốc tế liên quan đến nghệ thuật biểu diễn tại địa phương.

4. Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo tổ chức các cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn và quản lý hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật, thi người đẹp, người mẫu, lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật trong phạm vi địa phương.

5. Ban hành điều kiện xét duyệt hồ sơ và quy định chi tiết hoạt động phân cấp quản lý, kiểm tra đối với hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật và tổ chức vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu tại địa phương.

6. Báo cáo Chính phủ về hoạt động nghệ thuật biểu diễn tại địa phương khi được yêu cầu.

7. Quản lý, kiểm tra và triển khai công tác tổ chức đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành các cấp thực hiện kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất hoạt động nghệ thuật biểu diễn trong phạm vi địa phương.

8. Tổ chức kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, hoạt động của các cơ sở, địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật trong phạm vi địa phương.

9. Chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa và các cơ quan trực thuộc tại địa phương trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động nghệ thuật biểu diễn tại địa phương, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 42. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy phép biểu diễn, tổ chức biểu diễn nghệ thuật; giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật; giấy phép dự thi người đẹp, người mẫu quốc tế được cấp theo quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP có hiệu lực theo giấy phép được cấp nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương, trường hợp nhập nhẫu nhằm mục đích thương mại thực hiện thủ tục lưu chiều theo quy định tại Nghị định này kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Các cuộc thi người đẹp, người mẫu đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương cấp văn bản chấp thuận địa điểm tổ chức thực hiện theo giấy phép và văn bản chấp thuận đã được cấp.

Điều 43. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

2. Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật; trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật; trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Điều 6 Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các văn bản trái quy định của Nghị định này hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b) _{XH}

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

PHỤ LỤC

*(kèm theo Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày tháng năm 2020
của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn)*

Mẫu số 01: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

Mẫu số 02: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

Mẫu số 03: Đăng ký hoạt động biểu diễn nghệ thuật không trực tiếp nhằm mục đích thương mại

Mẫu số 04: Văn bản đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại

Mẫu số 05: Văn bản chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại

Mẫu số 06: Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn

Mẫu số 07: Văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn

Mẫu số 08: Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

Mẫu số 09: Văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

Mẫu số 10: Tờ khai tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài

Mẫu số 11: Văn bản chấp thuận cho cá nhân tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài

Mẫu số 12: Tờ khai đăng ký lưu chiều bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

Mẫu số 13: Văn bản xác nhận đăng ký lưu chiều bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật;
tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu**

Kính gửi:(2)... ..

1.....(1).....

Mã số doanh nghiệp:...

Địa chỉ trụ sở chính:...

Điện thoại:..... Email:....

2. Người đại diện theo pháp luật: ...

Giấy tờ chứng minh nhân thân (3) số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

3. Người điều hành hoạt động biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi: ...

Giấy tờ chứng minh nhân thân (3) số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Chuyên ngành đào tạo:(4)....

4. Lĩnh vực hoạt động: ...(5)....

5. Phạm vi hoạt động:...(6)....

Đề nghị(2)..... xem xét cấp mới/cấp đổi/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

Tài liệu kèm theo:...(7)....

...(1)... cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung đăng ký trên theo các quy định của pháp luật hiện hành./.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT,.....

(1) Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(2) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(3) Giấy tờ chứng minh về nhân thân thuộc một trong các hình thức sau: Hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng.

(4) Tên chuyên ngành ghi trên văn bằng chứng nhận tốt nghiệp thuộc loại hình nghệ thuật biểu diễn.

(5) Doanh nghiệp chọn một trong các lĩnh vực: Kinh doanh tổ chức biểu diễn hoặc tổ chức thi người đẹp, người mẫu hoặc kinh doanh tổ chức biểu diễn và tổ chức thi người đẹp, người mẫu.

(6) Doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi địa phương hoặc từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.

(7) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bằng tốt nghiệp hoặc văn bản chứng minh đã tốt nghiệp một chuyên ngành thuộc ngành đào tạo về nghệ thuật biểu diễn.

... (1) ...

... (2) ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

**Đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật;
tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu**

Số: .../GCN-.....(2).....

Cấp lần: ... ngày ... tháng ... năm ...

...(2)...

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu ngày ... tháng ... năm ... của ...(3)...

CHỨNG NHẬN

1.....(3)....

Mã số doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:... Email: ...

2. Người đại diện theo pháp luật:

Giấy tờ chứng minh nhân thân (4) số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

3. Người điều hành hoạt động biểu diễn nghệ thuật; cuộc thi:

Giấy tờ chứng minh nhân thân (4) số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Chuyên ngành đào tạo:...(5)...

4. Phạm vi hoạt động:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN..... (6).....

Theo quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

Giấy chứng nhận này được lập thành 02 bản: 01 bản cấp cho ... (3)... 01 bản lưu tại ... (2)...

Thủ trưởng cơ quan ...(2)...

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) Cơ quan chủ quản; (2) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(3) Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(4) Giấy tờ chứng minh về nhân thân thuộc một trong các hình thức sau: Hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng.

(5) Tên chuyên ngành ghi trên văn bằng chứng nhận tốt nghiệp thuộc loại hình nghệ thuật biểu diễn. Trường hợp có danh hiệu Nhà nước phong tặng về văn học, nghệ thuật thì không ghi mục này.

(6) Căn cứ mục 5 đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh để xác định một trong các lĩnh vực: Kinh doanh tổ chức biểu diễn hoặc tổ chức thi người đẹp, người mẫu hoặc kinh doanh tổ chức biểu diễn và tổ chức thi người đẹp, người mẫu.

...(2)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ KHAI

**Đăng ký hoạt động biểu diễn nghệ thuật
không trực tiếp nhằm mục đích thương mại**

Kính gửi:(1) ...

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn,(2).... đăng ký hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật như sau:

1. Tên chương trình (tên nước ngoài nếu có): ...
2. Thời gian tổ chức: ...
3. Địa điểm tổ chức: ...(3)...
4. Nội dung chương trình: ...(4)...
5. Người chịu trách nhiệm nội dung chương trình:...(5)...

Tài liệu kèm theo: ...(6)...

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung đăng ký trên theo các quy định của pháp luật hiện hành./.

Người chịu trách nhiệm nội dung chương trình
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký hoạt động biểu diễn nghệ thuật không trực tiếp nhằm mục đích thương mại.

(2) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân hoạt động biểu diễn nghệ thuật không trực tiếp nhằm mục đích thương mại.

(3) Địa điểm cụ thể.

(4) Cung cấp tên tác phẩm nghệ thuật biểu diễn, tác giả, người biểu diễn, trình diễn (lập danh mục kèm theo nếu cần thiết); trường hợp nội dung có ngôn ngữ nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch theo quy định pháp luật về chứng thực.

(5) Tên người chịu trách nhiệm nội dung chương trình.

(6) Nêu rõ các tài liệu kèm theo.

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật
nhằm mục đích thương mại

Kính gửi: ...(2)...

Doanh nghiệp: ... (1) ...

Được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật số .../GCN-...(2)... cấp lần ... ngày ... tháng ... năm ... của ...(2)...

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, ...(1) ... đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật như sau:

1. Tên chương trình biểu diễn nghệ thuật (tên nước ngoài nếu có): ...

2. Thời gian tổ chức: ...

3. Địa điểm tổ chức: ... (3) ...

4. Nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật: ...(4) ...

5. Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức duyệt chương trình: ...

6. Thông tin liên quan đến chương trình biểu diễn nghệ thuật:

- Trách nhiệm của chủ địa điểm;

- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên kết (nếu có);

- Người không có quốc tịch Việt Nam biểu diễn trong chương trình (nếu có);

- Việc tôn vinh, vinh danh danh hiệu cho cá nhân, tổ chức (nếu có).

Tài liệu kèm theo: ... (5) ...

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng những nội dung đăng ký trên theo các quy định của pháp luật hiện hành và có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

- Thực hiện thủ tục hành chính với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về các quy định bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, môi trường và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan trước và trong quá trình tổ chức biểu diễn nghệ thuật./.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,.....

(1) Doanh nghiệp đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

(2) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(3) Địa điểm cụ thể (khu vực công cộng, cơ sở đáp ứng hoạt động biểu diễn nghệ thuật).

(4) Cung cấp đầy đủ thông tin của chương trình: loại hình nghệ thuật biểu diễn, tên tác phẩm, tác giả, người biểu diễn, trình diễn; trường hợp nội dung có ngôn ngữ nước ngoài phải kèm bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch theo quy định pháp luật về chứng thực.

(5) Ghi rõ tên các tài liệu kèm theo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... (1) ...

... (2) ...

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v chấp thuận tổ chức biểu diễn
nghệ thuật nhằm mục đích thương mại

Kính gửi: ... (3) ...

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

Trả lời văn bản số ..., ngày...tháng...năm... của ... (3) ... đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại, ... (2) ... xác nhận ... (3) ... tổ chức biểu diễn nghệ thuật như sau:

1. Tên chương trình (tên nước ngoài nếu có): ...
2. Thời gian tổ chức: ...
3. Địa điểm tổ chức: ... (4) ...
4. Nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật: ... (5) ...
5. Thời gian, địa điểm duyệt chương trình: ... (6) ...

... (3) ... có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

- Thực hiện thủ tục hành chính với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về các quy định bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, môi trường và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan trước và trong quá trình tổ chức biểu diễn nghệ thuật;

- Báo cáo kết quả về ... (2) ... việc thực hiện những nội dung đã đăng ký và các kiến nghị cụ thể (nếu có) sau 05 ngày kể từ khi kết thúc chương trình biểu diễn nghệ thuật./.

Thủ trưởng cơ quan

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...
- Lưu: VT, ..., ...

(1) Cơ quan chủ quản;
 (2) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.
 (3) Doanh nghiệp đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.
 (4) Địa điểm cụ thể (khu vực công cộng, cơ sở đáp ứng hoạt động biểu diễn nghệ thuật).
 (5) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi kèm nội dung chương trình cụ thể.
 (6) Căn cứ quy định trường hợp tổ chức duyệt chương trình tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan
loại hình nghệ thuật biểu diễn

Kính gửi: ... (2) ...

Cơ quan, tổ chức: (1) ...

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, ... (1) ... đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn như sau:

1. Tên cuộc thi, liên hoan (tên nước ngoài nếu có): ...
 2. Thời gian tổ chức: ...
 3. Địa điểm tổ chức: ... (3) ...
 4. Loại hình nghệ thuật biểu diễn: ... (4) ...
 5. Thông tin liên quan đến cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn:
 - Trách nhiệm của chủ địa điểm;
 - Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên kết (nếu có);
 - Người không có quốc tịch Việt Nam tham dự cuộc thi, liên hoan (nếu có);
- Tài liệu kèm theo: ... (5) ...

...(1)... cam kết thực hiện đúng những nội dung đăng ký trên theo các quy định của pháp luật hiện hành và có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

- Thực hiện thủ tục hành chính với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về các quy định bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, môi trường và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan trước và trong quá trình tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn./.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT, ..., ...

(1) Cơ quan, tổ chức tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn.

(2) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn.

(3) Địa điểm cụ thể (khu vực công cộng, cơ sở đáp ứng hoạt động biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi, liên hoan).

(4) Cung cấp đầy đủ thông tin của chương trình: Loại hình nghệ thuật biểu diễn, tên tác phẩm, tác giả, người biểu diễn, trình diễn; trường hợp nội dung có ngôn ngữ nước ngoài phải kèm bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch theo quy định pháp luật về chứng thực.

(5) Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan và các tài liệu khác.

... (1) ...

... (2) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan
loại hình nghệ thuật biểu diễn.

Kính gửi: ... (3) ...

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

Trả lời văn bản số ..., ngày...tháng ... năm ... về việc ... của ... (3) ..., ... (2) ... đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn như sau:

1. Tên cuộc thi, liên hoan (tên nước ngoài nếu có): ...
2. Thời gian tổ chức: ...
3. Địa điểm tổ chức: ... (4) ...
4. Loại hình nghệ thuật biểu diễn: ... (5) ...

... (3) ... có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

- Thực hiện thủ tục hành chính với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về các quy định bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, môi trường và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan trước và trong quá trình tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn;

- Báo cáo kết quả về ... (2) ... việc thực hiện những nội dung đã đăng ký và các kiến nghị cụ thể (nếu có) sau 15 ngày kể từ khi kết thúc cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn./.

Thủ trưởng cơ quan

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT, ..., ...

(1) Cơ quan chủ quản;

(2) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn.

(3) Cơ quan, tổ chức tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn.

(4) Địa điểm cụ thể (khu vực công cộng, cơ sở đáp ứng hoạt động biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi).

(5) Ghi rõ loại hình nghệ thuật biểu diễn của cuộc thi, liên hoan.

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị tổ chức cuộc thi
người đẹp, người mẫu

Kính gửi: ... (2) ...

Doanh nghiệp: ... (1) ...

Được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu số .../GCN-... (3) ... cấp lần ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (3) ...

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, ... (1) ... đề nghị tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu như sau:

1. Tên cuộc thi (tên nước ngoài nếu có): ...
2. Thời gian tổ chức: ...
3. Địa điểm tổ chức: ... (4) ...
4. Thông tin liên quan đến cuộc thi:
 - Trách nhiệm của chủ địa điểm;
 - Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên kết (nếu có);
 - Người không có quốc tịch Việt Nam tham dự cuộc thi (nếu có);

Tài liệu kèm theo: ... (5) ...

... (1)... cam kết thực hiện đúng những nội dung trên theo các quy định của pháp luật và có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

- Thực hiện thủ tục hành chính với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về các quy định bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, môi trường và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan trước và trong quá trình tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu./.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT, ..., ...

(1) Doanh nghiệp đề nghị tổ chức cuộc thi.

(2) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(3) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(4) Địa điểm cụ thể (khu vực công cộng, cơ sở đáp ứng hoạt động biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi).

(5) Đề án tổ chức cuộc thi và các tài liệu khác.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... (1) ...

... (2) ...

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v chấp thuận tổ chức cuộc thi người đẹp,
người mẫu.

Kính gửi: ... (3) ...

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

Trả lời văn bản số ..., ngày ... tháng ... năm ... về việc ... của ... (3) ..., ... (2) ... đề nghị tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu như sau:

1. Tên cuộc thi (tên nước ngoài nếu có): ...

2. Thời gian tổ chức: ...

3. Địa điểm tổ chức: ... (4) ...

... (3) ... có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

- Thực hiện thủ tục hành chính với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về các quy định bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, môi trường và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan trước và trong quá trình tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu;

- Báo cáo về ... (2) ... kết quả tổ chức cuộc thi và các kiến nghị cụ thể (nếu có) sau 15 ngày kể từ khi kết thúc cuộc thi người đẹp, người mẫu./.

Thủ trưởng cơ quan

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT, ..., ...

(1) Cơ quan chủ quản;

(2) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận việc tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(3) Doanh nghiệp tổ chức cuộc thi.

(4) Địa điểm cụ thể (khu vực công cộng, cơ sở đáp ứng hoạt động nghệ thuật biểu diễn nghệ thuật; tổ chức cuộc thi).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ KHAI

Đăng ký dự thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài

Kính gửi: ... (1) ...

Họ tên thí sinh: ...

Giấy tờ chứng minh nhân thân (2) số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, tôi đăng ký dự thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài như sau:

1. Tên cuộc thi (tên nước ngoài): ...

2. Thời gian dự thi: ...

3. Địa điểm dự thi: ... (3) ...

Tài liệu kèm theo: ... (4) ...

... (2) ... xin cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung đăng ký trên theo các quy định của pháp luật hiện hành./.

Thí sinh

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho cá nhân tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài.

(2) Giấy tờ chứng minh về nhân thân: Hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng.

(3) Tỉnh/thành phố của quốc gia nơi tổ chức cuộc thi.

(4) Ghi rõ tài liệu kèm theo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1)...

Số:...

V/v chấp thuận đăng ký dự thi
người đẹp, người mẫu ở nước ngoài

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: ... (2) ...

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn; ... (3)...

Xét tờ khai ngày ... tháng ... năm ... của ... (2) ..., ... (1) ... chấp thuận ... (2) ... dự thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài như sau:

1. Tên cuộc thi (tên nước ngoài): ...
2. Thời gian dự thi: ...
3. Địa điểm dự thi: ...

... (2) ... có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;
- Chấp hành các quy định của pháp luật nước sở tại;
- Thực hiện thủ tục hành chính với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về việc ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu;
- Báo cáo về ... (1) ... kết quả tham dự cuộc thi và các kiến nghị cụ thể (nếu có) sau 05 ngày kể từ khi kết thúc cuộc thi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...
- Lưu: VT, ..., ...

Thủ trưởng cơ quan

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký dự thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài.

(2) Tên thí sinh đăng ký dự thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài.

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ

Lưu chiều bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

Kính gửi: ... (2) ...

... (1) ...

Căn cứ Nghị định số .../20.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, ... (1) ... đăng ký lưu chiều bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật như sau:

1. Tên bản ghi âm, ghi hình (tên nước ngoài nếu có): ...

(kèm theo danh mục nội dung thông tin của bản ghi âm, ghi hình)

2. Nhà sản xuất: ...

3. Năm sản xuất/nhập khẩu: ...

Tài liệu kèm theo: ... (3) ...

...(1)... cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung đăng ký trên theo các quy định của pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...

- Lưu: VT, ..., ...

(1) Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký lưu chiều bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật.

(2) Tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh đề nghị đăng ký lưu chiều, cung cấp giấy tờ chứng minh thành lập.

(3) Ghi rõ các tài liệu kèm theo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1)...

Số: .../...

V/v xác nhận đăng ký lưu chiều bản ghi âm,
ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: ... (2) ...

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn; ...(3)...

Trả lời công văn ngày ... tháng ... năm ... của ... (2) ..., ... (1) ... xác nhận ... (2) ... đăng ký lưu chiều bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật như sau:

1. Tên bản ghi âm, ghi hình (tên nước ngoài nếu có): ...

(kèm theo danh mục nội dung thông tin của bản ghi âm, ghi hình)

2. Nhà sản xuất: ...

3. Năm sản xuất/nhập khẩu: ...

... (2) ... có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

- Thực hiện thủ tục hành chính với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có) trước khi lưu chiều bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật./.

Thủ trưởng cơ quan

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...

- Lưu: VT, ..., ...

(1) Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký lưu chiều bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật.

(2) Tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh đề nghị đăng ký lưu chiều, cung cấp giấy tờ chứng minh thành lập.

(3) Văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản áp dụng pháp luật có liên quan.